RƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng : 000464

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

học: **Tin học ứng dụng (Inventor) (227174) - Nhóm 01**

D: **Huỳnh Hà Nghiêm Trang (270021)**

Số SV có mặt: 32
Số bài thi: 32
Số tờ giấy thi: 32

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
N.C Tín	Huỳnh Hà Nghiêm Trang	N.C Tín	Huỳnh Hà Nghiêm Trang

Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
2120060003	NGUYỄN HÙNG	CƯỜNG	16/11/2000	CCQ2004A				8,3	7,8	8,0	8	0
2120040027	VÕ VĂN	ĐỘ	05/06/2002	CCQ2004A				7,9	8,0	8,0	8	0
2120040001	HOÀNG MẠNH	ĐỨC	02/06/2002	CCQ2004A				8,3	8,3	8,3	8	3
2120040028	HOÀNG ĐỨC	HẢI	08/10/2002	CCQ2004A				9,0	9,3	9,2	9	2
2121040002	LÊ CHÍ	HÀO	03/04/2003	CCQ2104A				8,2	7,3	7,6	7	6
2121040004	NGUYỄN TẤN	HẬU	16/10/2003	CCQ2104A				8,4	7,0	7,6	7	6
2121040018	NGUYỄN THANH	HƯNG	04/04/2003	CCQ2104A				8,1	8,8	8,5	8	5
2121040012	TRẦN NGUYỄN NHẬT	KHA	18/12/2003	CCQ2104A								
2120040006	LÊ VIẾT	KHẢI	20/12/2000	CCQ2004A				8,3	9,3	8,9	8	9
2120170745	LÊ NGUYỄN ANH	KHOA	11/03/2002	CCQ2004A				7,9	8,5	8,3	8	3
2120040029	PHẠM CÔNG	LÂN	29/01/1998	CCQ2004A				8,7	9,0	8,9	8	9
2120110045	NGUYỄN VĂN	LINH	20/12/2002	CCQ2003F				8,2	8,0	8,1	8	1
2118030162	LÊ THÀNH	LONG	13/05/2000	CCQ1803C				9,0	9,5	9,3	9	3
2120040007	NGUYỄN HOÀNG	LONG	17/11/2002	CCQ2004A				7,8	8,5	8,2	8	2
2121040019	NGUYỄN HỮU	MINH	25/03/2002	CCQ2104A				8,5	7,5	7,9	7	9
2121040020	LƯƠNG ĐẮC	NHÂN	09/03/2001	CCQ2104A				7,5	7,5	7,5	7	5
2120040009	HUỲNH TRẦN	PHÁP	10/04/2001	CCQ2004A				8,1	7,0	7,4	7	4
2120040024	TRẦN HOÀNG	PHÚC	19/01/2002	CCQ2004A				8,5	8,5	8,5	8	5
2120040030	BÙI KHẮC	TÀI	09/06/2002	CCQ2004A				6,5	7,5	7,1	7	1
2121040008	CAO MẪU TRÂN	TÂM	30/06/2003	CCQ2104A				8,1	8,8	8,5	8	5

In : 10/08/2022

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng : 000464

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
Ng Chanh Tín	Huỳnh Hà Nghiêm Trang	Ng Chanh Tín	Huỳnh Hà Nghiêm Trang

Số SV có mặt: 32
Số bài thi: 32
Số tờ giấy thi: 32

Môn học: **Tin học ứng dụng (Inventor) (227174) - Nhóm 01**
GVGD: **Huỳnh Hà Nghiêm Trang (270021)**

	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
	2121040015	NGUYỄN TRÍ	TÂM	05/12/2003	CCQ2104A			Tâm	8,6	8,3	8,4	8	4
	2120030193	TRỊNH ĐÌNH	THẮNG	18/03/2002	CCQ2003F				8,1	8,0	8,0	8	0
	2121040009	CHÂU HỒ NGỌC	THỊNH	24/07/2003	CCQ2104A			Thịnh	7,5	7,0	7,2	7	2
	2120040014	CỨ TẤN	THỦ	07/10/2001	CCQ2004A			Thủ	8,3	8,0	8,1	8	1
	2120040015	HUỲNH VĂN	THỦY	17/06/2002	CCQ2004A			Thủy	8,5	8,0	8,2	8	2
	2121040016	TỐNG MINH	TIẾN	07/06/2003	CCQ2104A				8,1	7,5	7,7	7	7
	2120060025	ĐOÀN CHÁNH	TÍN	04/08/2002	CCQ2003F				9,0	8,7	8,8	8	8
	2120040017	TRẦN QUỐC	TOÀN	24/02/2002	CCQ2004A				8,0	8,0	8,0	8	0
	2120040026	NGUYỄN TÔ	NI	27/12/2002	CCQ2004A				8,2	8,0	8,1	8	1
	2120040019	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	28/04/2002	CCQ2004A			Trung	7,5	6,5	6,9	6	9
	2120040020	HUỲNH QUANG	TRUYỀN	09/07/2000	CCQ2004A			Truyền	8,1	7,5	7,7	7	7
	2121040001	TRẦN DUY	TƯỜNG	08/01/2003	CCQ2104A				8,1	9,3	8,8	8	8
	2121040023	PHAN ANH	VŨ	06/07/2003	CCQ2104A			Vũ	8,3	7,8	8,0	8	0